

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Các Cảng vụ HH;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC HÀNG HẢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.002490	Giao tuyến dẫn tàu	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
2	1.001810	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
3	1.001830	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
4	1.004828	Cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
5	1.005115	Cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
6	1.001889	Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
7	1.001899	Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN, Cảng vụ HH

8	1.004162	Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
9	1.004157	Công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu vực nước, vùng nước (bao gồm cả việc đưa kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời vào sử dụng)	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
10	1.004142	Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu vực vùng nước	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
11	1.002228	Thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
12	1.002236	Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
13	1.004134	Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
14	1.004123	Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
15	1.002249	Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN
16	2.001719	Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Cục HHVN

		hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam			
17	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022	Hàng hải	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Cục HHVN; Cục Đường thủy nội địa VN, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa VN, Cảng vụ hàng hải, Sở GTVT, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở GTVT.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Giao tuyến dẫn tàu

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Công ty hoa tiêu gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn công ty hoa tiêu hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản gửi công ty hoa tiêu qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét thẩm định hồ sơ và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời cho công ty hoa tiêu;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam quyết định giao tuyến dẫn tàu cho công ty hoa tiêu.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu;

- Danh sách hoa tiêu kèm theo bản sao Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và bản sao Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải của từng hoa tiêu;

- Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó.

b) Số lượng: 01 (một) bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét thẩm định hồ sơ và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam quyết định giao tuyến dẫn tàu cho công ty hoa tiêu.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan có thẩm quyền được phân cấp: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Quyết định giao tuyến dẫn tàu.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Đơn đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải**TÊN CÔNG TY**

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải****Kính gửi:** Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên công ty:

Người đại diện theo pháp luật:

Mã số đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải dưới đây cho công ty.....:

1. Tuyến dẫn tàu thuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

2. Tuyến dẫn tàu thuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

.....

Văn bản kèm theo:

1. Danh sách hoa tiêu các hạng (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu hàng hải và bản sao Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải của từng hoa tiêu).

2. Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó).

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Doanh nghiệp cảng gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định; nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến doanh nghiệp cảng; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Danh sách các chức danh và hợp đồng lao động kèm theo bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh quy định tại khoản 2 Điều 6 nghị định 37/2017/NĐ-CP; đã được sửa đổi tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP.

- Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Phương án khai thác cảng biển của doanh nghiệp cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện của doanh nghiệp

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp doanh nghiệp cảng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh dịch vụ xếp dỡ container thuộc các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn theo quy định của pháp luật, trong đó tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

b) Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực

- Điều kiện về tổ chức bộ máy: Có bộ phận quản lý an ninh hàng hải theo quy định.
- Điều kiện về nhân lực: Cán bộ an ninh cảng biển được đào tạo, huấn luyện và cấp chứng chỉ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phù hợp với Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code)."

c) Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Có đủ cơ sở vật chất, kho, bãi, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng biển; trường hợp cảng biển không có đủ kho, bãi, doanh nghiệp cảng phải có hợp đồng thuê kho, bãi, trừ trường hợp chỉ kinh doanh khai thác bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, cảng dầu khí ngoài khơi."
- Đáp ứng các điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ theo quy định của pháp luật.

d) Điều kiện về bảo vệ môi trường

Đảm bảo có đủ các phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển để xử lý theo quy định của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu gây ra mà Việt Nam là thành viên (Công ước MARPOL) và các điều kiện khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;
- Nghị định 147/2018/NĐ-CP ngày 22/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI**Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển với nội dung sau:

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở

chính:

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....

cấp ngàythángnăm..... tại

Vị trí của cảng biển:

Quy mô, công năng của cảng biển đã được công bố:

Lý do cấp lại:

Tài liệu kèm theo:

1. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận hoặc thay đổi thông tin về doanh nghiệp trong trường hợp cấp lại)

2. Danh sách các chức danh và hợp đồng lao động kèm theo bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận).

3. Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Phương án khai thác cảng biển của doanh nghiệp cảng (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận hoặc thay đổi nội dung về vị trí hoặc quy mô, công năng của cảng biển trong trường hợp cấp lại).

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các nội dung nêu trên.

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/...../GCN-CHHVN

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH KHAI THÁC CẢNG BIỂN**

Tên doanh nghiệp cảng (chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sốdo cấp
ngày.... tháng... năm ...Địa chỉ trụ sở chính (ghi đầy đủ số nhà/đường, phố/xã, phường/huyện, quận/tỉnh,
thành phố):

Tên cảng biển:

Vị trí của cảng biển:

Quy mô, công năng của cảng biển đã được công bố:

Đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển theo quy định.

Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản: 01 bản cấp cho doanh nghiệp kinh
doanh khai thác cảng biển, 01 bản lưu tại Cục Hàng hải Việt Nam./.

Cấp lần đầu ngày... tháng... năm...

Cấp lần thứ...ngày....tháng... năm...

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Doanh nghiệp cảng gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.
- Việc cấp lại Giấy chứng nhận được thực hiện trong trường hợp có sự thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận bị mất, bị hư hỏng.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định; nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến doanh nghiệp cảng; trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi thông tin về doanh nghiệp);
- Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Phương án khai thác cảng biển của doanh nghiệp cảng (đối với trường hợp thay đổi nội dung về vị trí hoặc quy mô, công năng của cảng biển).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đã nhận đủ các hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.
Khi cấp lại Giấy chứng nhận, Cục Hàng hải Việt Nam phải ghi rõ trong Giấy chứng nhận mới về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận cũ.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;
- Nghị định 147/2018/NĐ-CP ngày 22/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển với nội dung sau:

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do

cấp ngàythángnăm..... tại

Vị trí của cảng biển:

Quy mô, công năng của cảng biển đã được công bố:

Lý do cấp lại:

Tài liệu kèm theo:

1. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận hoặc thay đổi thông tin về doanh nghiệp trong trường hợp cấp lại)

2. Danh sách các chức danh và hợp đồng lao động kèm theo bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận).

3. Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Phương án khai thác cảng biển của doanh nghiệp cảng (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận hoặc thay đổi nội dung về vị trí hoặc quy mô, công năng của cảng biển trong trường hợp cấp lại).

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các nội dung nêu trên.

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/...../GCN-CHHVN

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH KHAI THÁC CẢNG BIỂN**

Tên doanh nghiệp cảng (chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số.....do..... cấp
ngày.... tháng... năm

Địa chỉ trụ sở chính (ghi đầy đủ số nhà/đường, phố/xã, phường/huyện, quận/tỉnh, thành phố):

Tên cảng biển:

Vị trí của cảng biển:

Quy mô, công năng của cảng biển đã được công bố:

Đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển theo quy định.

Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản: 01 bản cấp cho doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển, 01 bản lưu tại Cục Hàng hải Việt Nam./.

Cấp lần đầu ngày... tháng... năm...

Cấp lần thứ...ngày....tháng... năm...

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

4. Cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản thông báo và hướng dẫn tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải hoàn thiện hồ sơ.
- Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam phải cấp Giấy xác nhận; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp mới:

- Tờ khai theo mẫu;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy phép đưa thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài hoặc giấy phép cho thuê hoặc cho thuê lại thuyền viên làm việc trên tàu biển dưới hình thức cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Quy định 1.4 của Công ước MLC về dịch vụ tuyển dụng và cung ứng thuyền viên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy xác nhận.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

4.8. Phí, lệ phí: không có**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Tờ khai cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.
- Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tuyển dụng, cung ứng lao động là thuyền viên làm việc trên tàu biển thông qua hình thức cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Tờ khai cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ KHAI

CẤP/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

1. Tổ chức đề nghị:

Tên giao dịch:

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại; Fax:; Email:.....

3. Người đại diện theo pháp luật:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp/cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.

Lý do cấp lại (đối với trường hợp đề nghị cấp lại):

.....

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo đúng quy định pháp luật.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1. 4.

2. 5.

3. 6.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: VT,....

Mẫu: Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME
ADMINISTRATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số.....

No:

GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

***CERTIFICATE OF ENDORSMENT FOR SEAFARER RECRUITMENT AND
PLACEMENT SERVICE PROVIDERS***

Căn cứ Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải;

Pursuant to the Government's Decree No 29/2017/ND-CP dated 20/3/2017 on conditions for seafarer's training facilities and the issuance Certificate of compliance for seafarer recruitment and placement service providers;

Cục Hàng hải Việt Nam xác nhận:

Vietnam Maritime Administration certified:

Tên tổ chức

Name of organization

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Number of Certificate of business registration:

Ngày cấp:, Nơi cấp:

Date of issue, *Place of issue:*

Địa chỉ:

Address:

Điện thoại (Tel): Fax: Email:

phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định 1.4 của Công ước Lao động hàng hải năm 2006.

endorsement for seafarer recruitment and placement service providers according to the regulation 1.4 of Maritime Labour Convention 2006.

Giấy xác nhận này có giá trị từ ngày đến ngày

This Certificate is valid from to

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME
ADMINISTRATION
(Ký, đóng dấu)

5. Cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận.
- Giấy xác nhận được cấp lại trong các trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn sử dụng, bị mất, bị hư hỏng hoặc có thay đổi thông tin của tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam cấp lại Giấy xác nhận và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải; trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp mới:

- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận theo mẫu;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi thông tin về doanh nghiệp);
- Bản chính Giấy xác nhận (đối với trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn sử dụng, bị hư hỏng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Hàng hải Việt Nam nhận được văn bản đề nghị.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận.

- Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

5. 8. Phí, lệ phí: không có

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải;

- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ KHAI

CẤP/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

1. Tổ chức đề nghị:

Tên giao dịch:

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại; Fax:; Email:.....

3. Người đại diện theo pháp luật:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp/cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.

Lý do cấp lại (đối với trường hợp đề nghị cấp lại):

.....
.....
.....

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo đúng quy định pháp luật.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- | | |
|---------|---------|
| 1. | 4. |
| 2. | 5. |
| 3. | 6. |

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,....

Mẫu: Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME
ADMINISTRATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số.....

No:

GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI

**CERTIFICATE OF ENDORSEMENT FOR SEAFARER RECRUITMENT AND
PLACEMENT SERVICE PROVIDERS**

Căn cứ Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải;

Pursuant to the Government's Decree No 29/2017/NĐ-CP dated 20/3/2017 on conditions for seafarer's training facilities and the issuance Certificate of compliance for seafarer recruitment and placement service providers;

Cục Hàng hải Việt Nam xác nhận:

Vietnam Maritime Administration certified:

Tên tổ chức

Name of organization

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Number of Certificate of business registration:

Ngày cấp:, Nơi cấp:

Date of issue, Place of issue:

Địa chỉ:

Address:

Điện thoại (Tel): Fax: Email:

phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định 1.4 của Công ước Lao động hàng hải năm 2006.

endorsement for seafarer recruitment and placement service providers according to the regulation 1.4 of Maritime Labour Convention 2006.

Giấy xác nhận này có giá trị từ ngày đến ngày

This Certificate is valid from to

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME
ADMINISTRATION
(Ký, đóng dấu)

6. Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi phê duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của chủ đầu tư, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản lấy ý kiến các cơ quan liên quan về đề nghị của chủ đầu tư. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến cùng hồ sơ liên quan kèm theo, các cơ quan liên quan có văn bản tham gia ý kiến gửi tới Cục Hàng hải Việt Nam.

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan đối với đề nghị của chủ đầu tư, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 58/NĐ-CP ngày 10/5/2017;

- Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ mặt bằng công trình thể hiện tọa độ vị trí công trình chính và các công trình phụ trợ khác, khoảng cách từ biên công trình đến các công trình liền kề;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ pháp lý về khu đất nghiên cứu dự án (cụ thể tọa độ biên khu đất);

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính ý kiến của cơ quan có thẩm

quyền về phòng cháy chữa cháy đối với các công trình có yêu cầu riêng về khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy với công trình liền kề.”

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan đối với đề nghị của chủ đầu tư, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết và gửi chủ đầu tư.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết
cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh:ngày tháng năm ... tại.....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải theo quy định tại Điều 6 Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên dự án:

2. Sự cần thiết đầu tư xây dựng:

3. Vị trí:

4. Loại tàu biển giới hạn vào cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải:.....

5. Thông số kỹ thuật của cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải:.....

6. Tổng diện tích dự kiến xây dựng:

7. Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có):

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, trả lời./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

7. Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với các dự án công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như: Cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm và các công trình tương tự khác, trong quá trình đề xuất dự án, chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam văn bản lấy ý kiến về sự cần thiết, vị trí, quy mô dự kiến của công trình, độ cao tính không, độ sâu công trình.

- Đối với các công trình khác không thuộc các trường hợp trên, không phải cảng, bến thủy nội địa: trong quá trình đề xuất đầu tư xây dựng Chủ đầu tư gửi văn bản lấy ý kiến về vị trí, quy mô dự kiến của công trình đến Cảng vụ hàng hải khu vực.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với các dự án công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như: Cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm và các công trình tương tự khác: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và bản sao bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời chủ đầu tư về các yêu cầu cần tuân thủ để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư; trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Đối với các công trình khác không thuộc các trường hợp trên, không phải cảng, bến thủy nội địa: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời chủ đầu tư và nêu rõ các yêu cầu cần tuân thủ để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với các dự án công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như: Cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm và các công trình tương tự khác, hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản lấy ý kiến về sự cần thiết, vị trí, quy mô dự kiến của công trình, độ cao tính không, độ sâu công trình;

+ Bản sao bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình.

- Đối với các công trình khác không thuộc các trường hợp trên, không phải cảng, bến thủy nội địa, hồ sơ gồm: Văn bản lấy ý kiến về vị trí, quy mô dự kiến của công trình.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với các dự án công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như: Cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm và các công trình tương tự khác: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và bản sao bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời chủ đầu tư.

- Đối với các công trình khác không thuộc các trường hợp trên, không phải cảng, bến thủy nội địa: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời chủ đầu tư.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Đối với các dự án công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như: Cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm và các công trình tương tự khác: Cục Hàng hải Việt Nam

- Đối với các công trình khác không thuộc các trường hợp trên, không phải cảng, bến thủy nội địa: Cảng vụ Hàng hải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

- Đối với các dự án công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như: Cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm và các công trình tương tự khác: Cục Hàng hải Việt Nam;

- Đối với các công trình khác không thuộc các trường hợp trên, không phải cảng, bến thủy nội địa: Cảng vụ Hàng hải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản trả lời về các yêu cầu cần tuân thủ để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

7.8. Phí, lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

8. Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng mới, điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp luồng hàng hải, chủ đầu tư hoặc tổ chức quản lý dự án gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản này, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố đưa tuyến luồng vào sử dụng theo quy định; trường hợp không đồng ý, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu để đưa công trình đã hoàn thành xây dựng vào sử dụng có kèm theo bản vẽ hoàn công luồng hàng hải, hệ thống báo hiệu hàng hải được đầu tư theo dự án;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính quy trình hướng dẫn khai thác luồng hàng hải bao gồm: Chuẩn tắc luồng, hệ thống báo hiệu hàng hải, thông số tàu thiết kế và các điều kiện khai thác cụ thể khác;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thông báo hàng hải về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải kèm theo bình đồ của luồng hàng hải; thông báo hàng hải về hệ thống báo hiệu hàng hải được đầu tư theo dự án; biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về kết quả khảo sát rà quét chướng ngại vật mặt đáy luồng hàng hải và vùng nước liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Công bố đưa tuyến luồng vào sử dụng.

8.8. Phí, lệ phí: Không có

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Văn bản đề nghị công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục công bố mở cảng biển theo quy định tại Điều... Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên cảng biển:

2. Vị trí cảng biển:

3. Vùng đón trả hoa tiêu:

4. Loại tàu biển:

5. Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào hoạt động:.....

6. Văn bản kèm theo:

Tài liệu liên quan khác.

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

9. Công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước (bao gồm cả việc đưa kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời vào sử dụng)

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Sau khi hoàn thành việc xây dựng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

b) Giải quyết TTHC:

Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam công bố mở bến cảng, cầu cảng, khu nước, vùng nước theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố theo mẫu;
- Biên bản nghiệm thu để đưa công trình đã hoàn thành xây dựng vào sử dụng có kèm theo Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo quy định, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình bến cảng, cầu cảng và các khu nước, vùng nước;
- Thông báo hàng hải kèm theo bình đồ của luồng hàng hải cho tàu thuyền vào, rời bến cảng, cầu cảng và các khu nước, vùng nước; biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về kết quả khảo sát mặt đáy vùng nước trước bến cảng, cầu cảng và các khu nước, vùng nước;
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (trừ trường hợp đối với khu nước, vùng nước, công trình chỉ phục vụ việc đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, tránh trú bão hay neo đậu tàu thuyền để chờ vào cảng, bến cảng, cầu cảng, neo đậu tàu công vụ, không thực hiện chuyển tải bốc xếp hàng hóa hoặc các dịch vụ vận tải khác);
- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (trừ trường hợp đối với khu nước, vùng nước, công trình chỉ phục vụ việc đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, tránh trú bão hay neo đậu tàu thuyền để chờ vào cảng, bến cảng, cầu cảng, neo đậu tàu công vụ, không thực hiện chuyển tải bốc xếp hàng hóa hoặc các dịch vụ vận tải khác);
- Bản sao văn bản chứng nhận an ninh bến cảng theo quy định (trừ trường hợp đối với khu nước, vùng nước, công trình chỉ phục vụ việc đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch,

tránh trú bão hay neo đậu tàu thuyền để chờ vào cảng, bến cảng, cầu cảng, neo đậu tàu công vụ, không thực hiện chuyển tải bốc xếp hàng hóa hoặc các dịch vụ vận tải khác).

9.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Quyết định về việc mở bến cảng, cầu cảng, khu nước, vùng nước.

9.8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định công bố bến cảng, cầu cảng, khu nước, vùng nước: 6.000.000 đồng/lần.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị công bố mở bến cảng, cầu cảng, khu nước, vùng nước.
- Quyết định về việc mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;
- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu: Văn bản đề nghị công bố mở bến cảng, cầu cảng, khu nước, vùng nước

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước hoặc vùng nước

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục công bố bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước hoặc vùng nước (công trình) vào sử dụng theo quy định tại Điều...

Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:

2. Vị trí công trình:

3. Vùng đón trả hoa tiêu:

4. Loại tàu biển:

5. Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào hoạt động:

6. Văn bản kèm theo:

Tài liệu liên quan khác.

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu: Quyết định về việc mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Căn cứ

Căn cứ

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Công bố mở thuộc để tiếp nhận tàu thuyền trong nước và ngoài nước ra vào hoạt động bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác có liên quan, cụ thể như sau:

1. Tên công trình:.....
2. Vị trí công trình:
3. Khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải
4. Loại tàu thuyền:

Điều 2.

Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm sau đây:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật;
2. Căn cứ điều kiện thực tế, giới hạn độ sâu vùng nước trước cầu cảng, luồng cảng biển và các quy định của pháp luật có liên quan để cho phép tàu thuyền có các thông số kỹ thuật phù hợp với thiết kế cầu cảng ra vào bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3.

Chủ đầu tư căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện khai thác cầu cảng để tổ chức khai thác cầu cảng đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật.

Điều 4.

Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực, kể từ ngày

Điều 6.

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Giao thông vận tải;
-;
- Bộ đội Biên phòng tỉnh...;
- Cục Hải quan;
- Kiểm dịch Y tế;
- Kiểm dịch ĐTV ...;
- Các Phòng:
- Lưu: Văn thư,(3b)

CỤC TRƯỞNG

10. Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 văn bản đề nghị công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

- Bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển được xem xét, công bố đóng trong các trường hợp sau đây:

+ Bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước không còn tồn tại hoặc không đủ điều kiện hoạt động theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực;

+ Bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước hoạt động không hiệu quả, theo đề nghị của chủ đầu tư;

+ Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc các lý do đặc biệt khác.

b) Giải quyết TTHC:

Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận văn bản, nếu văn bản chưa phù hợp thì chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện văn bản theo quy định. Nếu văn bản hợp lệ thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức lấy ý kiến các cơ quan hữu quan (nếu cần thiết), quyết định đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước theo mẫu quy định và gửi cho người đề nghị trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác thông qua hệ thống bưu chính hoặc người đề nghị đến nhận trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan hữu quan (nếu cần).

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Quyết định đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước.

10.8. Phí, lệ phí: Không có.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước.
- Quyết định đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Văn bản đề nghị đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Đóng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước hoặc vùng nước

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm tại...

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục đóng theo quy định tại Điều... Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:

2. Vị trí công trình:

3. Lý do đóng:

4. Đề xuất chuyển giao quản lý luồng tàu, nhân sự, đất đai (nếu có):

5. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu: Quyết định đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ

Căn cứ

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đóng (bến cảng) thuộc địa phận

Điều 2. Tuyến luồng hàng hải giao tổ chức tiếp nhận quản lý, bảo trì theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các cơ quan có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan bàn giao công tác quản lý khai thác tuyến luồng; phối hợp giải quyết kịp thời các vấn đề có liên quan nhằm bảo đảm công tác quản lý được thực hiện liên tục, không ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến luồng.

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Cục, Chánh Thanh tra Cục, Trưởng các phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ GTVT;
- UBND tỉnh
- Công ty
- Website Cục HHVN;
- Lưu: Văn thư,

11. Thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư gửi 01 văn bản đề nghị thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Cục Hàng hải Việt Nam lấy ý kiến của Cảng vụ Hàng hải khu vực và các cơ quan liên quan. Chậm nhất 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời nếu đủ điều kiện.

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam.

- Chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời và gửi văn bản trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư.

- Đối với kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời là bến phao, khu chuyển tải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thiết lập bến phao, khu chuyển tải nếu cần. Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam. Chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời và gửi văn bản trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Hàng hải khu vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời.

11.8. Phí, lệ phí: Không có.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời:
 - + Kết cấu hạ tầng cảng biển hiện tại không đáp ứng đủ nhu cầu cấp thiết tại khu vực;
 - + Phục vụ mục đích xây dựng công trình, dự án;
 - + Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực trong thời gian nhất định.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

12. Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trường hợp kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời vượt quá thời hạn hoạt động quy định (*thời hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời chấm dứt khi công trình, dự án hoàn thành việc thi công xây dựng hoặc kết cấu hạ tầng cảng biển tại khu vực đã đáp ứng đủ nhu cầu, nhưng tối đa không quá 03 năm. Đối với kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời là bến phao, khu chuyển tải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực, được phép hoạt động trong thời gian phù hợp theo quy hoạch cảng biển*), chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị gia hạn thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời kèm theo ý kiến của Cảng vụ Hàng hải khu vực trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận gia hạn nếu đủ điều kiện.
- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam.
- Chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn hoạt động và gửi văn bản cho chủ đầu tư trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời kèm theo ý kiến của Cảng vụ Hàng hải khu vực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam;

- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn hoạt động.

12.8. Phí, lệ phí: Không có.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời:

- Kết cấu hạ tầng cảng biển hiện tại không đáp ứng đủ nhu cầu cấp thiết tại khu vực;
- Phục vụ mục đích xây dựng công trình, dự án;
- Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực trong thời gian nhất định.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

13. Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Sau khi được thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời, chủ đầu tư gửi 01 văn bản đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do và gửi văn bản trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến chủ đầu tư.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời;
- Hồ sơ về đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản chấp thuận thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời.

13.8. Phí, lệ phí: Không có.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Văn bản đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: ngày tháng năm tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời theo quy định tại Điều ... Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:
2. Vị trí công trình:
3. Quy mô công trình:
4. Lý do, sự cần thiết:
5. Thời gian dự kiến hoạt động của công trình:
6. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):
7. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có).

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

14. Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.
- Các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thiết lập báo hiệu hàng hải khi quản lý khai thác luồng hàng hải chuyên dùng hoặc sử dụng các vùng nước sau đây:
 - + Vùng khoan thăm dò địa chất, khai thác dầu mỏ, khí đốt;
 - + Vùng đánh bắt, nuôi trồng hải sản;
 - + Vùng công trình đang thi công, trục vớt cứu hộ;
 - + Vùng đặt đường cáp hoặc đường ống ngầm, công trình ngầm, thiết bị ngầm có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải;
 - + Vùng diễn tập: Quân sự, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, ứng cứu khắc phục sự cố tràn dầu;
 - + Vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương;
 - + Vùng giải trí, du lịch và thể thao.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

14.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính sơ đồ, tọa độ vị trí thiết lập báo hiệu hàng hải

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải.

14.8. Phí, lệ phí: Không có.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị thiết lập báo hiệu hàng hải.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Đơn đề nghị thiết lập báo hiệu hàng hải

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỀ NGHỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số: /.....

... .., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị về việc

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1)

2)

Nơi nhận:

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng
dấu)

15. Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản ra quyết định về việc đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu bàn giao;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ khảo sát và rà quét chương ngại vật luồng hàng hải đối với báo hiệu hàng hải trên các tuyến luồng hàng hải mới xây dựng do đơn vị có chức năng đo đạc, khảo sát thực hiện và cùng với chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ khảo sát;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thông báo hàng hải về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản ra quyết định về việc đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng.

15.8. Phí, lệ phí: Không có.**15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Đơn đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐƯA BÁO HIỆU HÀNG HẢI VÀO SỬ DỤNG**

Kính gửi:¹

Căn cứ Điều ... Nghị định số ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Điều ... Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị công bố thông báo hàng hải về việc đưa

Hồ sơ kèm theo bao gồm:

1.....

2.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: Văn thư,

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

.....

¹ Cơ quan có thẩm quyền công bố Thông báo hàng hải.

16. Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người làm thủ tục gửi hồ sơ đề nghị cho phép tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ phải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ, chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến người làm thủ tục; trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận cho tàu thuyền nước ngoài xin đến cảng biển;
- Bản sao các văn bản, tài liệu liên quan đến mục đích, thời gian tàu thuyền đến cảng biển;
- Bản sao giấy đăng ký, đăng kiểm của tàu thuyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

16.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản trả lời về việc cho tàu thuyền nước ngoài xin đến cảng biển.

16.8. Phí, lệ phí: Không có.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị chấp thuận cho tàu thuyền nước ngoài xin đến cảng biển.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Mẫu: Văn bản đề nghị chấp thuận cho tàu thuyền nước ngoài xin đến cảng biển

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cho tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù

Kính gửi:

Tên người làm thủ tục:

Đăng ký kinh doanh (hoặc Chứng minh nhân dân) số ngày tháng năm tại

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ:

.....
Đề nghị xem xét cấp Giấy phép hoặc văn bản chấp thuận cho tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù theo quy định tại Điều.... Nghị định số quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên tàu biển:
2. Quốc tịch tàu biển:
3. Chủ tàu:
4. Cảng biển hoặc bến cảng, cầu cảng tàu đến:
5. Lý do, sự cần thiết vào cảng:
6. Thời gian dự kiến hoạt động tại Việt Nam:
7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):
8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có):
9. Tài liệu kèm theo:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

- Bản sao các giấy chứng nhận về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu.

Kính đề nghị xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

17. Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm

17.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTTC:

- Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

- Cơ quan có thẩm quyền bao gồm:

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm là di sản văn hóa, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải;

+ Bộ Quốc phòng chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm liên quan đến quốc phòng và tài sản chìm đắm trong khu vực quân sự;

+ Bộ Công an chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm liên quan đến an ninh quốc gia;

+ Bộ Giao thông vận tải chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm, quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm như sau:

- Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trực vớt. Trước khi phê duyệt phương án trực vớt, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phải báo cáo và nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải;

- Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ hàng hải đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm xác định được chủ sở hữu trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, trong vùng nước cảng biển hoặc vùng biển Việt Nam do chủ sở hữu tài sản chìm đắm tổ chức trực vớt.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì tổ chức phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm và quyết định tổ chức trực vớt tài sản chìm đắm không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ và phân cấp cho các cơ quan sau đây thực hiện:

- Sở Giao thông vận tải phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu hoặc thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải tổ chức trực vớt;

- Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải phê duyệt đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm đã xác định được chủ sở hữu tài sản chìm đắm.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nhận được không hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải có văn bản phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến tổ chức, cá nhân; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm, cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức phê duyệt phương án trục vớt trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ; đối với trường hợp tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trục vớt thì thời hạn này không quá 48 giờ.

17.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm theo mẫu;
- Phương án trục vớt tài sản chìm đắm, gồm các nội dung cơ bản sau:
 - + Tên, số lượng, loại tài sản chìm đắm;
 - + Số lượng, loại hàng chở trên tàu (nếu là tàu thuyền);
 - + Khối lượng nhiên liệu trên tàu (nếu là tàu thuyền);
 - + Căn cứ tổ chức việc trục vớt;
 - + Kết quả thực hiện phương án thăm dò tài sản chìm đắm (nếu có);
 - + Địa điểm tài sản bị chìm đắm;
 - + Dự kiến thời gian bắt đầu và thời hạn trục vớt;
 - + Phương tiện tham gia và biện pháp trục vớt;
 - + Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình trục vớt;
 - + Biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong quá trình trục vớt;
 - + Biện pháp bảo quản tài sản bị chìm đắm sau khi được trục vớt;
 - + Bàn giao tài sản được trục vớt;
 - + Biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm;
 - + Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
 - + Biện pháp phòng, chống cháy, nổ;
 - + Dự toán chi phí trục vớt;
 - + Đơn vị thực hiện trục vớt.

Đối với phương án trực vớt do chủ sở hữu tài sản lập và thực hiện trực vớt thì phương án không bao gồm nội dung dự toán chi phí trực vớt.

- Các tài liệu, giấy tờ cần thiết khác có liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm không gây nguy hiểm.

- Không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm.

- Không quá 48 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do Cảng vụ tổ chức trực vớt.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

17.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

17.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

17.8. Phí, lệ phí: Không có.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm.

17.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam;

- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

1 Tên của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án trục vớt tài sản chìm đắm.